

Bản án số: 109/2021/HS-ST

Ngày 16/9/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên Quân và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2021/TLST- HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST- HS ngày 23/7/2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn C; sinh ngày 05/4/1991 tại huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn S (đã chết) và bà Phạm L1 (sinh năm 1967); có vợ là Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1993) và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

2. Phạm Tuấn V3; sinh ngày 07/7/1997 tại huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm B (sinh năm 1971) và bà Lương Thị K (sinh năm 1970); có vợ là Nguyễn TH (sinh năm 1998); chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyền Quang. Vắng mặt có lý do (bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt vì đang điều trị bệnh u ác của trung thất trước tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyền Quang).

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 08, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

2, Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

3, Anh Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

4, Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

5, Chị Đặng Thị Tuyết N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 09, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

6, Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 19, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

7, Anh Bùi Mạnh Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 11, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

8, Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 18, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

9, Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

10, Chị Phạm Thị Q, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

11, Anh Đỗ Thái H2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 01, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

12, Anh Phạm Trọng L, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Chín Chum, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

(Chị Quỳnh, chị Oanh và anh Đông có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người khác vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 06/2020, bị cáo Nguyễn C bị cáo Phạm Tuấn V3 nảy sinh ý định cho những người trên địa bàn thành phố Tuyên Quang vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận. C và V3 thỏa thuận, C là người bỏ tiền gốc ra để V3 lên thành phố Tuyên Quang gặp những người quen của V3, nếu họ có nhu cầu vay tiền thì V3 trực tiếp cho vay tiền, V3 đứng ra viết giấy tờ vay tiền, đi thu tiền và ghi chép, quản lý giấy tờ, sổ sách, theo dõi hoạt động cho vay tiền, C trả tiền công cho V3 là 7.000.000 đồng/tháng.

Về hình thức cho vay, bao gồm hình thức “bốc hộ” tức là sau khi vay tiền, người vay sẽ phải trả cả tiền gốc và tiền lãi theo ngày (*trả trong vòng 40 ngày hoặc 41 ngày*)

và hình thức “lãi nằm” tức là sau khi vay tiền người vay sẽ phải trả một khoản tiền lãi cố định theo ngày, cho đến khi trả được hết số tiền vay gốc. Người vay tiền không phải thế chấp tài sản, đưa Giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu là vay được tiền. C thống nhất với V3 hướng dẫn người vay viết giấy với nội dung người vay biên nhận một số tiền đặt cọc tương ứng với số tiền vay cả gốc và lãi để làm thủ tục cho V3 đi xuất khẩu lao động, nếu quá thời hạn theo thỏa thuận không làm thủ tục cho V3 đi xuất khẩu lao động thì sẽ phải hoàn trả lại số tiền ghi trong giấy, mục đích yêu cầu người vay tiền viết giấy biên nhận đặt cọc này là để che giấu hành vi cho vay lãi nặng và ràng buộc người vay phải trả tiền theo thỏa thuận (Mẫu giấy vay tiền do C chuẩn bị và đưa cho V3).

Về nguồn tiền cho vay, từ cuối tháng 06/2020 đến tháng 01/2021, C chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho V3 tổng cộng là 236.550.000đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*), V3 sử dụng số tiền này cho nhiều người vay với lãi suất cao (từ 5000đồng/1.000.000đồng/01 ngày đến 20.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày). Quá trình điều tra xác định, V3 đã cho những người sau vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, gồm:

1. Ngày 25/10/2020, V3 cho chị Nguyễn Thu H; trú tại tổ 08, phường A, thành phố T vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng. Đến ngày 04/12/2020, chị H trả đủ tiền vay gốc 10.000.000đồng và tiền lãi là 2.300.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.609đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 41 ngày, lãi suất 204,7%/năm, gấp 10,235 lần lãi suất theo quy định*); trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 224.658đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.075.342đồng.

2. Cho chị Nguyễn Thị C; trú tại tổ 17, phường T, thành phố T, vay tiền 02 lần:

Lần 1: Ngày 26/07/2020 V3 cho chị C vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng. Đến ngày 03/09/2020, chị C trả đủ số tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*); trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 109.589đồng, số tiền thu lợi bất chính là 890.411đồng.

Lần 2: Ngày 20/10/2020, V3 cho chị C vay 15.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 450.000đồng. Đến ngày 26/11/2020, chị C trả đủ tiền vay gốc 15.000.000đồng và tiền lãi là 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*), tương ứng với mức lãi suất là 5.263đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 38 ngày, lãi suất 192%/năm, gấp 9,6 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 312.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.687.671đồng.

3. Anh Nguyễn Hoàng V2; trú tại tổ 17, phường A, thành phố T, vay tiền 03 lần:

Lần 1: Ngày 04/08/2020, V3 cho anh Nguyễn Hoàng V2 vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng. Đến ngày 12/09/2020, anh V2 trả đủ tiền vay gốc 10.000.000đồng và số tiền lãi là 2.000.00đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất*

182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 219.178đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822đồng.

Lần 2: Ngày 25/9/2020 (hoặc ngày 26/9/2020, không xác định được ngày chính xác), Nguyễn Hoàng V2 vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng. Đến ngày 14/10/2020 (hoặc ngày 15/10/2020) anh V2 trả đủ số tiền vay gốc 10.000.000đồng và số tiền lãi là 2.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 10.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 20 ngày, lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 109.589đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.890.411đồng.

Lần 3: Ngày 10/11/2020, Nguyễn Hoàng V2 vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng. Đến ngày 10/12/2020, anh Nguyễn Hoàng V2 trả tiền vay gốc 10.000.000đồng và số tiền lãi là 1.600.000 đồng, tương ứng với mức lãi là 5.161đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 31 ngày, lãi suất 188%/năm, gấp 9,4 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là: 169.863đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.430.137đồng, V3 còn nợ lại số tiền lãi theo thỏa thuận là 400.000đồng.

4. Ngày 04/09/2020, anh Đặng Văn Q; trú tại tổ 03, phường N, thành phố T nhờ em gái là chị Đặng Thị Tuyết N; trú tại tổ 09, phường P, thành phố T vay của V3 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng. Đến ngày 16/10/2020, anh Q trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.150.000đồng cho V3, tương ứng với mức lãi là 5.348đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 43 ngày, lãi suất 195%/năm, gấp 9,75 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là: 117.808đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.032.192đồng.

5. Ngày 29/09/2020, V3 cho anh Nguyễn Ngọc A, trú tại tổ 19, phường A, thành phố T vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000đồng. Đến ngày 19/10/2020, Ngọc A trả xong tiền vay gốc 10.000.000đồng và tiền lãi là 2.000.000đồng, tương ứng với lãi suất là 9.523 đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 21 ngày, lãi suất 347,5%/năm, gấp 17,375 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 115.068đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.884.932đồng.

6. Anh Bùi Mạnh Đ; trú tại tổ 11, phường P, thành phố T, vay tiền 03 lần:

Lần 1: Ngày 19/09/2020, V3 cho anh Đ vay số tiền 15.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 450.000đồng. Đến ngày 28/10/2020, anh Đ trả xong tiền vay gốc 15.000.000đồng và số tiền lãi là 3.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 328.767đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233đồng.

Lần 2: Ngày 20/09/2020, V3 cho anh Đ vay 01 khoản là 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng. Đến ngày 29/10/2020, anh Đ trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi*

suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 109.589đồng, số tiền thu lợi bất chính là 890.411đồng.

Lần 3: Ngày 26/10/2020, V3 cho anh Đ vay 01 khoản là 15.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 450.000đồng. Đến ngày 27/11/2020, anh Đ đã trả 14.850.000đồng, trong đó: Số tiền gốc đã trả là 12.375.000đồng, số tiền lãi đã trả là: 2.475.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 33 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là: 223.767đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 2.251.233đồng. Đ còn nợ lại theo thỏa thuận là 3.150.000đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 2.625.000đồng, tiền lãi là 525.000đồng.

7. Anh Nguyễn Duy H; trú tại tổ 18, phường A, thành phố T, vay tiền 04 lần:

Lần 1: Ngày 22/06/2020, V3 cho anh H vay 20.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng. Đến ngày 31/07/2020, anh H trả xong tiền vay gốc 20.000.000đồng và tiền lãi là 4.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 438.356đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.561.644đồng.

Lần 2: Ngày 16/08/2020, V3 cho anh H vay 20.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng. Đến ngày 24/09/2020, anh H trả xong tiền vay gốc 20.000.000đồng và tiền lãi là 4.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 438.356đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.561.644đồng.

Lần 3: Ngày 27/09/2020, Việt cho anh H vay 20.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng. Đến ngày 05/11/2020, anh H trả xong tiền vay gốc 20.000.000đồng và tiền lãi là 4.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 40 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 438.356đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.561.644đồng.

Lần 4: Ngày 08/11/2020, Việt cho anh H vay 15.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 450.000đồng. Đến ngày 20/01/2021, anh H trả xong tiền vay gốc là 15.000.000đồng và tiền lãi là 3.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 2.702đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 74 ngày, lãi suất 98,6%/năm, gấp 4,93 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 608.219đồng, số tiền thu lợi là 2.391.781đồng. (Mức lãi suất cho vay lần này dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự).

8. Chị Nguyễn Thị Kiều O; trú tại tổ 05, phường P, thành phố T, vay tiền 05 lần:

Lần 1: Ngày 07/07/2020, V3 cho chị O vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Đến ngày 16/08/2020, chị O trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.150.000 đồng, tương ứng với mức lãi là 5.609đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 41 ngày, lãi suất*

204,7%/năm, gấp 10,235 lần lãi suất theo quy định), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 112.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.037.671đồng.

Lần 2: Ngày 16/08/2020, V cho chị O vay số tiền 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng. Đến ngày 25/09/2020, chị O trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.150.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.609đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 41 ngày, lãi suất 204,7%/năm, gấp 10,235 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 112.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.037.671đồng.

Lần 3: Ngày 25/09/2020, V3 cho chị O vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Đến ngày 04/11/2020, chị O trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.150.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.609đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 41 ngày, lãi suất 204,7%/năm, gấp 10,235 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 112.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.037.671đồng.

Lần 4: Ngày 04/11/2020, V3 cho chị O vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Đến ngày 05/12/2020, chị O trả xong tiền vay gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.150.000đồng, tương ứng với mức lãi suất là 7.187đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 32 ngày, lãi suất 262,3%/năm, gấp 13,115 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 87.671đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.062.329đồng.

Lần 5: Ngày 05/12/2020, V3 cho chị O vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng, tổng phải trả sau 41 ngày là 6.150.000đồng. Tính đến ngày 06/01/2021, chị O trả được 4.800.000đồng, trong đó tiền gốc là 4.000.000đồng, tiền lãi là 800.000đồng, tương ứng với mức lãi suất là 4.848đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 33 ngày, lãi suất 176,9%/năm, gấp 8,845 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 72.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 727.671đồng, O còn nợ lại theo thỏa thuận số tiền là 1.350.000đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc 1.000.000đồng, tiền lãi 350.000đồng.

9. Ngày 19/9/2020, V3 cho chị Phạm Thị Q; trú tại thôn 4, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vay 20.000.000đồng, thỏa thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 40 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng. Đến ngày 27/10/2020, chị Q trả xong tiền vay gốc 20.000.000đồng và tiền lãi là 4.000.000đồng, tương ứng với mức lãi là 5.128đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 39 ngày, lãi suất 187%/năm, gấp 9,35 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 427.397đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.572.603đồng.

10. Ngày 05/10/2020, V3 cho anh Đỗ Thái H2; trú tại xóm 01, xã K, thành phố T vay 10.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi 50.000đồng/01 ngày cho đến khi trả được số tiền vay gốc. Đến ngày 03/12/2020, anh H2 trả xong tiền vay gốc 10.000.000đồng và tiền lãi là 3.000.000đồng, tương ứng với mức lãi 5.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 60 ngày, lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định*), trong

đó: Số tiền lãi theo quy định là 328.767đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.671.233đồng.

11. Anh Phạm Trọng L; trú tại thôn Chín Chum, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vay tiền 02 lần:

Lần 1: Ngày 10/08/2020, V3 cho anh L cầm cố 01 điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone Xsmax để vay số tiền 5.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi 100.000đồng/01 ngày cho đến khi trả được số tiền vay gốc. Đến ngày 19/08/2020, anh L trả xong tiền vay gốc 5.000.000đồng và tiền lãi là 1.000.000đồng, tương ứng với mức lãi 20.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 10 ngày, lãi suất 730%/năm, gấp 36,5 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 27.397đồng, số tiền thu lợi bất chính là 972.603đồng.

Lần 2: Ngày 22/08/2020, L đưa V3 các tài sản để làm tin gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xsmax để vay 6.000.000đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 22B2-500.46 để vay 8.000.000đồng và vay thêm 5.000.000đồng (không có tài sản đảm bảo), tổng cộng là 19.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi mỗi ngày 100.000đồng/01 khoản vay cho đến khi trả hết số tiền vay gốc.

Đến ngày 20/9/2020, anh L trả xong tổng số tiền gốc vay là 19.000.000đồng và tổng số tiền lãi là 9.000.000đồng, tương ứng với mức lãi từ 12.500đồng đến 20.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*Trả trong 30 ngày; lãi suất 608,3%/năm/khoản vay 6.000.000 đồng, gấp 30,415 lần lãi suất theo quy định; lãi suất 456,2%/năm/khoản vay 8.000.000đồng, gấp 22,81 lần lãi suất theo quy định; lãi suất 730%/năm/khoản vay 5.000.000đồng, gấp 36,5 lần lãi suất theo quy định*), trong đó: Tổng số tiền lãi theo quy định là 312.329đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.687.671đồng.

Như vậy: Từ tháng 6/2020 đến ngày 20/01/2021, các bị cáo Nguyễn C và Phạm Tuấn V3 đã cho 11 người vay tiền với lãi suất cao quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất là 20%/năm) với tổng số tiền gốc là 249.000.000đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng*) (số tiền gốc này gồm cả khoản tiền gốc và lãi mà người vay tiền trả theo từng ngày V3 thu về là 12.450.000đồng, V3 tiếp tục cho những người khác vay và nâng số tiền gốc lên là 249.000.000 đồng; tổng số tiền gốc và lãi đã thu về được là 301.300.000đồng (*Ba trăm không một triệu, ba trăm nghìn đồng*), trong đó:

Tổng số tiền gốc cho vay thu về là 245.375.000đồng; tổng số tiền lãi thu về là 55.925.000đồng (trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 4.948.151đồng; số tiền thu lợi bất chính là 50.976.849đồng).

Số tiền người vay còn nợ chưa trả theo thỏa thuận ban đầu là 4.900.000đồng (trong đó: Tiền gốc 3.625.000đồng/249.000.000đồng, tiền lãi 1.275.000đồng).

Trong thời gian V3 cho người khác vay tiền với lãi suất cao, sau khi thu các khoản tiền về, V3 nhiều lần chuyển cho C tổng số tiền gốc là 70.000.000đồng, giữ lại tiền lương của 04 tháng (tháng 7, 8, 9, 10, mỗi tháng 7.000.000đồng), tổng cộng là 28.000.000đồng. Số tiền này, C và V3 chi tiêu cá nhân hết.

Toàn bộ số tiền còn lại là 206.925.000đồng V3 thu về (trong đó: Tiền gốc là 151.000.000đồng, tiền lãi là 55.925.000đồng), V3 là người quản lý, cho vay, đến thời điểm V3 bị khởi tố điều tra, số tiền 206.925.000đồng không còn nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Kết luận giám định số 170 ngày 30/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, xác định: Chữ viết trong quyển sổ theo dõi (thu giữ của Phạm Tuấn V3) là do Phạm Tuấn V3 viết.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKSTP ngày 01 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn C và Phạm Tuấn V3 về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự đã viện dẫn trên.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn C và Phạm Tuấn V3 về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo C; Áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Việt; xử phạt bị cáo Nguyễn C từ 55.000.000đồng (*Năm mươi năm triệu đồng*) đến 65.000.000đồng (*Sáu mươi năm triệu đồng*); Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn V3 từ 07 (*Bảy*) tháng đến 10 (*Mười*) tháng Cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Tuấn V3.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 468; các Điều 122; 123; 131 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn V3 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho: Anh Nguyễn Hoàng V2 5.101.370đồng (*Năm triệu một trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*); anh Đỗ Thái H2 2.671.233đồng (*Hai triệu sáu trăm bảy một nghìn hai trăm ba ba đồng*); anh Bùi Mạnh Đ 5.812.877đồng (*Năm triệu tám trăm mười hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng*).

Đối với anh Phạm Trọng L, anh Nguyễn Ngọc A, anh Nguyễn Duy H, anh Đặng Văn Q, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thu H, chị Phạm Thị Q và chị Nguyễn O không ai yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền, 08 giấy biên nhận, 01 giấy bán cho tặng xe thu của bị cáo Phạm Tuấn V3.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu vàng, dung lượng 64GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS MAX, màu vàng, dung lượng 256GB, máy đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, loại 32GB của bị cáo Phạm Tuấn V3.

Trả lại cho anh Bùi Mạnh Đ 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Mạnh Đ, 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Bùi Mạnh Đ; trả lại cho anh Nguyễn Hoàng V2 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Hồng Vi; trả lại cho chị Nguyễn O 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị Kiều O.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số thuê bao 0343545926 và số 0961541991.

(Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 02/7/2021).

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc của bị cáo Phạm Tuấn V3 162.952.000đồng; số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự 4.948.151đồng; của bị cáo Nguyễn C số tiền gốc 70.000.000 đồng; của anh Bùi Mạnh Đ 2.625.000đồng; của chị Nguyễn O 1.000.000đồng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Tuấn V3 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch; tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn C không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Tuấn V3 có đơn xin xét xử vắng mặt và xin HĐXX xem giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Các bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị cáo Phạm Tuấn V3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã được triệu tập hợp lệ. Bị cáo V3 hiện đang điều trị bệnh hiểm nghèo (u ác) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang nên không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa được, bị cáo V3 đã có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Phạm Thị Q, chị Nguyễn O và anh Bùi Mạnh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; những người khác được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự vắng mặt của bị cáo Việt, HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn C khai nhận: Từ tháng 06/2020 đến ngày 20/01/2021, bị cáo và bị cáo Phạm Tuấn V3, đã thống nhất cùng nhau cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao, vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ Luật dân sự (Mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm), cụ thể: Cho 11 người vay tiền lãi cao từ 5000đồng/1.000.000đồng/01 ngày đến 20.000đồng/1.000.000đồng/01ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 182,5%/năm đến 730%/năm, gấp từ 9,1 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật Dân sự, với tổng số tiền gốc là 249.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng), trong đó: Số tiền gốc cho vay thu về được là 245.375.000đồng; tổng số tiền lãi

thu được là 55.925.000đồng (trong đó: Số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 4.948.151đồng, số tiền thu lợi bất chính là 50.976.849đồng). Số tiền thu lợi bất từ hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Nguyễn C và Phạm Tuấn V3 là 50.976.849đồng (*Năm mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*).

Lời khai nhận tội của bị cáo C phù hợp với lời khai của bị cáo V3 trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các tài liệu, vật chứng thu giữ (từ BL 16 đến BL 18, từ BL 75 đến BL 111, từ BL 118 đến BL 127); Kết luận giám định (BL 22, 59); lời khai của người làm chứng (Bút lục: từ 277 đến 401) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Tuấn V3, bị cáo đã thành khẩn nhận tội.

Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy VKSND thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn C và Phạm Tuấn V3 về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được áp dụng tiết giảm nhẹ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn C có ông nội là Liệt sỹ, được Tổ quốc ghi công, được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, vì vậy Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Theo thỏa thuận ban đầu giữa hai bị cáo, bị cáo C là người bỏ tiền ra để bị cáo V3 trực tiếp cho những người khác vay. Tất cả giao dịch vay tiền do bị cáo V3 thực hiện, bị cáo V3 thể hiện vai trò tích cực hơn, tìm người để cho vay, tự giao dịch và tính toán, thu chi khoản tiền cho vay, chủ động thu tiền lãi gộp vào tiền gốc để làm tăng thêm nguồn tiền gốc. Sau khi những người vay tiền đã thanh toán cho bị cáo V3 xong, bị cáo chưa đưa lại tiền cho bị cáo C, hiện số tiền này bị cáo vẫn đang quản lý. Như vậy vai trò của bị cáo V3 tích cực hơn bị cáo C nên áp dụng loại hình phạt tương ứng với hành vi của từng bị cáo. Hiện nay bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, không có việc làm, thu nhập cũng như tài sản vì vậy nếu áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo sẽ không có tính khả thi nên áp dụng hình phạt như đề nghị của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang là phù hợp.

Đối với bị cáo C, xét hành vi, tính chất phạm tội của bị cáo mang tính vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt tiền là thỏa đáng.

Xét thấy bị cáo V3 hiện nay đang điều trị bệnh hiểm nghèo (u ác trung thất và u ác tinh hoàn giai đoạn 2), bị cáo không có tài sản gì, không có công việc và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo V3 đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên cũng không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi ngày 08/11/2020, bị cáo Phạm Tuấn V3 cho Nguyễn Duy H vay 15.000.000đồng, đến ngày 20/01/2021, H trả xong tiền vay gốc là 15.000.000đồng và tiền lãi là 3.000.000đồng (*tương ứng với lãi suất 98,6%/năm, gấp 4,93 lần lãi suất theo quy định*), mức lãi suất này dưới 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Do đó hành vi này của V3 và C không cấu thành tội phạm, vì vậy không xem xét, xử lý.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Tuấn V3 khai nhận còn cho nhiều người khác vay tiền, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không có căn cứ chứng minh việc bị cáo V3 cho vay lãi nặng đối với những người này nên không đề cập xử lý.

[6] Về dân sự: Đối với anh Nguyễn Hoàng V2, Đỗ Thái H2 và Bùi Mạnh Đ có yêu cầu bị cáo V3 hoàn trả số tiền lãi vượt quá lãi quy định của bộ luật dân sự (20%) mà những người này đã trả cho bị cáo V3. Xét thấy yêu cầu này là chính đáng và số tiền lãi mà bị cáo V3 thu về vẫn chưa chuyển cho bị cáo C nên buộc bị cáo V3 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền cho: Anh Nguyễn Hoàng V2 5.101.370đồng (*Năm triệu một trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*); anh Đỗ Thái H2 2.671.233đồng (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm ba ba đồng*); anh Bùi Mạnh Đ 5.812.877đồng (*Năm triệu tám trăm mười hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 468; các Điều 122; 123; 131 Bộ luật dân sự. Đối với anh Phạm Trọng L, anh Nguyễn Ngọc A, anh Nguyễn Duy H, anh Đặng Văn Q, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thu H, chị Phạm Thị Q và chị Nguyễn O không ai yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn V3, gồm: 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền, 08 giấy biên nhận, 01 giấy bán cho tặng xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy H; 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Mạnh Đ, 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Bùi Mạnh Đ; 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Hồng V4; 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn O và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, loại 32GB (trong máy lưu trữ các nội dung tin nhắn trao đổi giữa C và V3 có liên quan đến việc cho vay tiền).

Thu giữ của bị cáo Nguyễn C, gồm: 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu vàng, dung lượng 64GB, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số 8984048000050821432; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS MAX, màu vàng, dung lượng 256GB, máy đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số 8984048000007404303).

Ngày 10/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang xử lý vật chứng, trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân cho anh Nguyễn Duy H, trú tại tổ 18, phường A, thành phố T.

Đối với các đồ vật, tài sản còn lại, cần xử lý như sau:

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền, 08 giấy biên nhận, 01 giấy bán cho tặng xe thu của bị cáo Phạm Tuấn V3.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu vàng, dung lượng 64GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS MAX, màu vàng, dung lượng 256GB, máy đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, loại 32GB của bị cáo Phạm Tuấn V3, đây là các tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Mạnh Đ, 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Bùi Mạnh Đ cho anh Đông; trả lại 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Hồng V4 cho anh Nguyễn Hoàng V2; trả lại 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn O cho chị Oanh, các giấy tờ này là giấy tờ tùy thân của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số thuê bao 0343545926 và số 0961541991 do các bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 02/7/2021.

Trong vụ án này, còn các khoản tiền gốc các bị cáo sử dụng để cho vay; khoản lãi tương ứng 20% là phương tiện phạm tội và khoản tiền gốc mà những người vay tiền còn nợ cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc của bị cáo V3 162.925.000đồng và số tiền lãi suất 4.948.151 đồng; số tiền gốc 70.000.000 đồng của bị cáo C; của anh Bùi Mạnh Đ 2.625.000đồng; của chị Nguyễn O 1.000.000đồng.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo V3 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tuấn V3 phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Tuấn V3 07 (Bảy) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

2. Căn cứ: Khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn C 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 468, các Điều 122, 123, 131 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Phạm Tuấn V3 có nghĩa vụ hoàn trả cho: Anh Nguyễn Hoàng V2 số tiền 5.101.370đồng; anh Đỗ Thái H2 số tiền 2.671.233đồng; anh Bùi Mạnh Đ số tiền 5.812.877đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Lưu tại hồ sơ vụ án 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền, 08 giấy biên nhận, 01 giấy bán cho tặng xe thu của bị cáo Phạm Tuấn V3.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu vàng, dung lượng 64GB; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS MAX, màu vàng, dung lượng 256GB, máy đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, loại 32GB của bị cáo Phạm Tuấn V3.

Trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Mạnh Đ, 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Bùi Mạnh Đ cho anh Bùi Mạnh Đ; trả lại 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Nguyễn Hồng V4 cho anh Nguyễn Hoàng V2; trả lại 01 hộ chiếu mang tên Nguyễn O cho chị Nguyễn Thị Kiều O.

Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số thuê bao 0343545926 và số 0961541991.

Tình trạng vật chứng thể hiện như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 02/7/2021.

Truy thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền gốc của bị cáo Việt 162.925.000đồng và số tiền số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự 4.948.151đồng; số tiền gốc 70.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn C; của anh Bùi Mạnh Đ 2.625.000đồng; của chị Nguyễn O 1.000.000đồng.

5. Căn cứ: Các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Tuấn V3 và Nguyễn C, mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Tuấn V3 phải chịu 679.274đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Nguyễn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Phạm Tuấn V3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- UBND xã T; TT S; huyện S; TQuang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang